

Số: 54 /CV-LIDECO

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2012

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu trên
BCTC quý 4/2011 với BCTC kiểm toán

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Kính gửi:	
ĐẾN	Số: 12541
	Giờ: Ngày 16 tháng 4 năm 12

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 09/2010/TT-BTC ban hành ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm (Mã CK: NTL) giải trình chênh lệch số liệu giữa BCĐKT Quý IV/2011 và BCKQKD Quý IV/2010 so với Báo cáo tài chính đã kiểm toán theo yêu cầu của Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh như sau:

I. Giải trình chênh lệch giữa BCĐKT quý 04/2011 so với BCTC đã kiểm toán của Công ty mẹ.

1. Chỉ tiêu : Các khoản phải thu khác (Mã số 135):

+ Số liệu trên BCĐKT Quý IV/2011:	89.704.116.391 đ
+ Số liệu trên BCĐKT đã kiểm toán năm 2011:	22.784.129.392 đ
+ Chênh lệch giảm	(66.919.986.999) đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Bù trừ tiền thuế GTGT tạm kê khai theo tiến độ với số tiền xây dựng khách hàng đã nộp trên TK 1312	(68.932.996.460) đ
- Tăng khoản lãi dự thu có kỳ hạn tiền gửi ngân hàng và cổ tức được nhận nhưng đơn vị chưa hạch toán	3.293.000.000 đ
- Bù trừ khoản nợ phải thu khác (TK1388) với các khoản phải trả khác (TK3388) cùng 1 đối tượng	(1.279.990.539) đ

2. Chỉ tiêu : Tài sản ngắn hạn khác (Mã số 158):

+ Số liệu trên BCĐKT Quý IV/2011:	70.192.920.938 đ
+ Số liệu trên BCĐKT đã kiểm toán năm 2011:	64.404.273.926 đ
+ Chênh lệch giảm	(5.788.647.012) đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Bù trừ khoản nợ phải thu tạm ứng (TK141) với các khoản phải trả khác (TK3388) cùng 1 đối tượng	(5.788.647.012) đ
--	-------------------

3. Chỉ tiêu : Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	0 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	450.000.000 đ
+ Chênh lệch tăng	450.000.000 đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

Phân loại lại khoản vay cá nhân từ TK 3388 sang TK 311	450.000.000 đ
--	---------------

4. Chỉ tiêu : Người mua trả tiền trước (Mã số 313):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	769.887.435.092 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	700.609.165.446 đ
+ Chênh lệch giảm	(68.932.996.460) đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Bù trừ tiền thuế GTGT tạm kê khai theo tiến độ với số tiền xây dựng khách hàng đã nộp trên TK 1312	(68.932.996.460) đ
--	--------------------

5. Chỉ tiêu : Chi phí phải trả (Mã số 316):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	9.390.600.525 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	31.074.576.145 đ
+ Chênh lệch tăng	22.383.975.630 đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Điều chỉnh tăng hàng tồn kho, tăng chi phí phải trả sản lượng thi công XD đã hoàn thành các căn BT dự án Bắc QL32 do Công ty CP LIDECO2, và LIDECO8 thực hiện	21.851.805.610 đ
- Phân loại lại khoản chi phí trích trước đang phản ánh trên TK 3388	532.170.020

6. Chỉ tiêu : Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Mã số 319):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	91.670.634.021 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	84.389.167.055 đ
+ Chênh lệch giảm	(7.281.466.966) đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Bù trừ khoản nợ phải thu khác (TK1388) với các khoản phải trả khác (TK3388) cùng 1 đối tượng	(1.279.990.539) đ
- Bù trừ khoản nợ phải thu tạm ứng (TK141) với các khoản phải trả khác (TK3388) cùng 1 đối tượng	(5.788.647.012) đ
- Phân loại lại khoản vay cá nhân từ TK 3388 sang TK 311	(450.000.000) đ
- Trích khoản phụ cấp HĐQT, BKS năm 2011	936.984.482 đ
- Điều chỉnh phân loại lại khoản chi phí trích trước đang phản ánh trên TK 3388	(532.170.020) đ

- Phân loại lại khoản thuế TNCN đơn vị đang phản ánh trên TK 3388 sang TK 3335 (63.365.968)
- Hạch toán giảm công nợ phải trả, giảm chi phí do đã hạch toán thừa (104.277.909)

7. Chỉ tiêu : Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412):

- + Số liệu trên BCĐKT Quý IV/2011: 0 đ
- + Số liệu trên BCĐKT đã kiểm toán năm 2011: 8.994.035.440 đ
- + Chênh lệch tăng 8.994.035.440 đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Khoản thặng dư vốn cổ phần các năm trước đơn vị phản ánh tăng lợi nhuận sau thuế, kiểm toán điều chỉnh lại 8.994.035.440 đ

8. Chỉ tiêu : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 420):

- + Số liệu trên BCĐKT Quý IV/2011: 275.299.773.672 đ
- + Số liệu trên BCĐKT đã kiểm toán năm 2011: 266.958.061.307 đ
- + Chênh lệch giảm (8.341.712.365) đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Khoản thặng dư vốn cổ phần các năm trước đơn vị phản ánh tăng lợi nhuận sau thuế, kiểm toán điều chỉnh lại (8.994.035.440) đ
- Giảm do trích khoản phụ cấp HDQT, BKS năm 2011 (936.984.482) đ
- Tăng lợi nhuận sau thuế theo kết quả kiểm toán 1.589.307.557 đ

9. Chỉ tiêu : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng KQ hoạt động kinh doanh (Mã số 60):

- + Số liệu trên BC KQHĐKD Quý IV/2011: 76.249.437.096 đ
- + Số liệu trên BCĐKT đã kiểm toán năm 2011: 93.698.448.185 đ
- + Chênh lệch tăng 17.449.011.089 đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Giảm khoản thuế TNDN năm 2009 theo Biên bản kiểm tra thuế đơn vị đang hạch toán tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, kiểm toán điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp trên BCKQKD 15.859.703.532 đ
- Tăng lợi nhuận sau thuế theo kết quả kiểm toán 1.589.307.557 đ

II. Giải trình chênh lệch giữa BCĐKT quý 04/2011 hợp nhất so với BCTC kiểm toán hợp nhất.

1. Chỉ tiêu : Đầu tư ngắn hạn (Mã số 121):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	1.578.541.390 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	2.253.541.390 đ
+ Chênh lệch tăng	675.000.000 đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Tăng do phân loại khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng từ tiền và tương đương tiền sang TK 128 – Đầu tư ngắn hạn khác	675.000.000đ
--	--------------

2. Chỉ tiêu : Các khoản phải thu khác (Mã số 135):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	107.514.468.312 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	22.509.717.205 đ
+ Chênh lệch giảm	(85.004.751.107) đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Giảm theo BCTC công ty mẹ (mục I.1):	(66.919.986.999) đ
- Bù trừ khoản nợ phải thu khác (TK1388) với các khoản phải trả khác (TK3388) cùng 1 đối tượng tại các Công ty con.	(18.084.764.108) đ

3. Chỉ tiêu : Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết (Mã số 252):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	29.051.100980 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	13.905.636.607 đ
+ Chênh lệch giảm	(15.145.464.373) đ

Nguyên nhân khi hợp nhất BCTC kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

Phân bổ lợi thế thương mại và các lợi ích đối với 649.000 cổ phiếu Công ty CP ĐTXD Bạch Đằng TMC (Công ty liên kết)	(15.145.464.373) đ
---	--------------------

4. Chỉ tiêu : Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	(43.525.334.832)đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	(30.759.953.852)đ
+ Chênh lệch tăng	12.765.380.980đ

Nguyên nhân khi hợp nhất kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán vào Công ty liên doanh liên kết (Công ty CP ĐTXD Bạch Đằng TMC)	12.765.380.980đ
--	-----------------

5. Chỉ tiêu : Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412):

+ Số liệu trên BCDKT Quý IV/2011:	0 đ
+ Số liệu trên BCDKT đã kiểm toán năm 2011:	8.994.035.440 đ
+ Chênh lệch tăng	8.994.035.440 đ

Nguyên nhân chênh lệch theo mục 7 phần I:

6. Chỉ tiêu : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 420):

+ Số liệu trên BCĐKT Quý IV/2011:	287.827.336.729 đ
+ Số liệu trên BCĐKT đã kiểm toán năm 2011:	271.059.870.869 đ
+ Chênh lệch giảm	(16.767.465.860) đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Giảm theo giải trình tại Công ty mẹ (mục I.8).	(8.341.712.365) đ
- Giảm do trích các quỹ tại các Công ty con	(5.623.706.846) đ
- Giảm lợi nhuận sau thuế theo kết quả kiểm toán tại các Công ty con	(2.802.046.649) đ

7. Chỉ tiêu : Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng KQ hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mã số 60):

+ Số liệu trên BC KQHĐKD HN Quý IV/2011:	93.654.453.318 đ
+ Số liệu trên BCĐKT đã kiểm toán hợp nhất năm 2011:	103.750.334.294 đ
+ Chênh lệch tăng	10.095.880.976 đ

Nguyên nhân khi kiểm toán đã điều chỉnh số liệu như sau:

- Tăng theo Công ty mẹ (mục I.9)	17.449.011.089 đ
- Giảm do loại trừ tiền cổ tức năm 2010 Công ty mẹ nhận được từ các Công ty con	(3.794.400.000) đ
- Giảm lợi nhuận sau thuế theo kết quả kiểm toán tại các Công ty con	(2.802.046.649) đ
- Giảm do hợp nhất phân bổ lợi thế TM đầu tư vào Công ty liên kết	(756.683.464) đ

Vậy Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Từ Liêm báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và các cổ đông được biết.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các cổ đông (website);
- Lưu TCHC, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Gia Cường